

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 11 năm 2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH-TỈNH VĨNH PHÚC

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Khuyên

Ông Lê Thanh Nhất

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:**
Ông Ngô Trường Út – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024, về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (có mặt)

Noicư trú: thôn X, xã V, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Noicư trú: thôn X, xã V, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 01/10/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tuấn A kết hôn ngày 30 tháng 7 năm 2004, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Tổ chức xong chị về chung sống và làm ăn cùng gia đình anh Tuấn A ngay. Quá trình vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi nhau anh Tuấn A uống rượu về là đánh chị. Đến năm 2010 thì vợ chồng sống ly thân nhưng vẫn ở chung nhà, năm 2022 chị ra ngoài ở vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình không dàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Tuấn A.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Nguyễn Anh V, sinh ngày 28/6/2006, Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 23/9/2009, cháu V đã trưởng thành không đề nghị giải quyết. Ly hôn chị xin nuôi cháu D và không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị làm công ty thu nhập bình quân 7.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết anh có đơn xin xét xử vắng mặt, anh trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 30/7/2004, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Tổ chức xong chị H về chung sống và làm ăn cùng gia đình anh ngay. Quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 7/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn nên vợ chồng có xảy ra cãi vã, chị H bỏ đi, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh xác định tình cảm không còn, tuy nhiên chị H tự ý làm đơn ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn, anh muốn vợ chồng về đoàn tụ vì các con.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Nguyễn Anh V, sinh ngày 28/6/2006, Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 23/9/2009, hiện các con đang ở cùng anh, cháu V đã trưởng thành không đề nghị giải quyết. Trường hợp nếu ly hôn anh xin nuôi cháu D và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện anh đang đi làm lao động tự do thu nhập bình quân 8.000.000đ /tháng.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại UBND xã V: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 30/7/2004, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Tổ chức xong chị H về chung sống và làm ăn cùng gia đình anh Tuấn A tại thôn X, xã V ngay. Quá trình chị H, anh Tuấn A chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do đâu thì địa phương không nắm được. Từ khoảng cuối năm 2023 đến nay chị H không chung sống cùng anh Tuấn A tại xã V nữa. Về con chung chị H, anh Tuấn A có hai con chung Nguyễn Anh V, sinh ngày 28/6/2006, Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 23/9/2009, hiện nay các con đang ở cùng anh Tuấn A. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức địa phương không nắm được. Hiện nay anh Nguyễn Tuấn A đang sinh sống và làm việc tại xã V, vì sao anh Tuấn A không đến làm việc thì địa phương không biết. Anh Tuấn A hiện đang làm lao động tự do tại địa phương, thu nhập bình quân đối với lao động như anh Tuấn A tại địa phương từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng. Chi phí nuôi con tại địa phương từ 1.500.000đ đến 2.000.000đ/tháng. Nay chị H xin ly hôn anh Tuấn A địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Luật thi hành án dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 23/9/2009. Anh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hiền.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Tuấn A bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tuấn A là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V. Theo chị H nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi nhau, anh Tuấn A uống rượu về là đánh chị. Đến năm 2010 thì vợ chồng sống ly thân nhưng vẫn ở chung nhà, năm 2022 chị H ra ngoài ở vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Tuấn A. Theo anh Tuấn A quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 7/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn nên vợ chồng có xảy ra cãi vã, chị H bỏ đi, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh xác định tình cảm không còn, tuy nhiên chị H tự ý làm đơn ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn, anh muốn vợ chồng về đoàn tụ vì các con. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Tuấn A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài,

việc chị H xin ly hôn anh Tuấn A là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Nguyễn Anh V, sinh ngày 28/6/2006, Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 23/9/2009, cháu V đã trưởng thành không đề nghị giải quyết. Chị H và anh Tuấn A đều xin được nuôi cháu D và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Xét việc nuôi con của các bên thấy rằng chị H, anh Tuấn A đều đảm bảo điều kiện để nuôi con, nguyện vọng của cháu D cũng xin được ở với mẹ. Do vậy để đảm bảo quyền lợi cho con nên giao cho chị H nuôi dưỡng cháu D. Việc chị H không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H, anh Tuấn A không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 23/9/2009. Anh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Anh Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H, anh Tuấn A không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0000462 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ

ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- THA Lập Thạch;
- UBND xã Văn Quán;
- Các đương sự;
- Lưu hai bản.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ